

SÔNG ĐÀ 11

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
Tel: 0433 545 867 Fax: 0433 542 280
=====

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ IV & LŨY KẾ NĂM 2013

HÀ NỘI THÁNG 02 NĂM 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN					
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		725.193.444.202	668.796.543.685
1	Tiền	111	V.1	76.082.974.017	52.761.033.956
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.882.000.000	18.672.000.000
1	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	19.452.000.000	19.452.000.000
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129	V.3	(570.000.000)	(780.000.000)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		401.530.121.362	392.817.473.620
1	Phải thu khách hàng	131	V.4	375.510.416.896	336.917.906.004
2	Trả trước cho người bán	132	V.5	25.042.410.269	40.741.263.958
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch IHD xây dựng	134		-	-
5	Các khoản phải thu khác	135	V.6	10.006.276.925	15.955.798.090
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.7	(9.028.982.728)	(797.494.432)
IV	Hàng tồn kho	140		200.584.909.386	175.125.081.966
1	Hàng tồn kho	141	V.8	200.584.909.386	175.125.081.966
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		28.113.439.437	29.420.954.143
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	90.363.727	176.174.811
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.145.805.922	1.069.496.296
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		211.602.575	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	24.665.667.213	28.175.283.036
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		166.175.500.802	189.584.877.891
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		10.361.936.310	8.833.427.162
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.11	10.361.936.310	8.833.427.162
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		147.361.930.920	151.991.633.233
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	119.516.849.598	126.015.493.441
	- Nguyên giá	222		194.293.390.119	192.387.842.628
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(74.746.540.521)	(66.372.349.187)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-

	- Nguyên giá	225	-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.13	5.299.591.625
	- Nguyên giá	228		6.827.290.426
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.527.698.801)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	22.515.489.697
III	Bất động sản đầu tư	240		-
	- Nguyên giá	241		-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (*)	250		5.000.000.000
1	Đầu tư vào công ty con	251		-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	19.927.715.405
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	5.000.000.000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.17	-
V	Tài sản dài hạn khác	260		3.264.133.572
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	3.253.633.572
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-
3	Tài sản dài hạn khác	268	V.19	10.500.000
VI	Lợi thế thương mại		V.20	187.500.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		891.368.945.004
	NGUỒN VỐN		SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		642.508.200.393
I	Nợ ngắn hạn	310		595.207.521.173
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	162.361.768.611
2	Phải trả người bán	312	V.22	188.045.847.494
3	Người mua trả tiền trước	313	V.23	63.154.286.617
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.24	42.933.000.703
5	Phải trả người lao động	315		29.380.713.531
6	Chi phí phải trả	316	V.25	40.407.084.445
7	Phải trả nội bộ	317		-
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	318		-
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	66.967.206.931
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	319	V.27	-
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	320	V.28	1.957.612.841
II	Nợ dài hạn	330		47.300.679.220
1	Phải trả dài hạn người bán	331	V.29	20.360.921.643
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-
3	Phải trả dài hạn khác	333	V.30	2.058.000.000
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.31	23.478.393.197
				30.646.829.259

6	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
7	Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.32	-
7	Dự phòng phải trả dài hạn	336	-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.33	1.015.236.467
9	Quỹ phát triển khoa học	339	1.403.364.380	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	247.660.744.611	192.250.422.211
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.34	192.250.422.211
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	115.531.050.000	79.968.970.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	42.005.926.928	32.546.580.408
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414	(128.058.585)	(128.058.585)
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417	59.923.331.575	41.999.284.819
8	Quỹ dự phòng tài chính	418	7.799.043.531	4.694.959.399
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	22.529.451.162	33.168.686.170
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
12	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1	Nguồn kinh phí	432	-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
C	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	V.35	1.200.000.000	56.393.251.497
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	891.368.945.004	858.381.421.576

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI

TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	Tài sản thuê ngoài				
2	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4	Nợ khó đòi đã xử lý		V.35	8.092.639.768	8.092.639.768
5	Ngoại tệ các loại (USD)			108.85	
6	Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV & lũy kế năm 2013

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ IV/2013	QUÝ IV/2012	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 31/12/2013	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 31/12/2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	290.874.354.163	231.880.196.428	830.070.554.999	874.497.688.136
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		290.874.354.163	231.880.196.428	830.070.554.999	874.497.688.136
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	250.741.189.313	200.207.188.216	712.896.761.664	753.753.596.758
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.133.164.850	31.673.008.212	117.173.793.335	120.744.091.378
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.382.290.731	1.140.060.003	9.708.323.887	3.654.624.003
Chi phí tài chính	22	VI.4	6.827.830.076	7.735.141.660	25.127.083.232	32.701.670.327
Trong đó :Chi phí lãi vay			3.370.781.868	6.239.717.172	19.337.078.241	28.841.047.494
Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	19.445.770.473	17.328.631.271	63.936.359.940	58.727.863.558
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.241.855.032	7.749.295.284	37.818.674.050	32.969.181.496
Thu nhập khác	31	VI.6	553.223.421	1.637.854.232	1.999.796.608	4.472.331.236
Chi phí khác	32	VI.7	1.576.284.378	645.805.924	3.572.879.764	2.595.924.586
Lợi nhuận khác	40		(1.023.060.957)	992.048.308	(1.573.083.156)	1.876.406.650
Lợi nhuận ở công ty liên kết, liên doanh		VI.8	(693.940.376)	1.094.731.742	-	1.945.561.110
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.524.853.699	9.836.075.334	36.245.590.894	36.791.149.256

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ IV/2013	QUÝ IV/2012	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 31/12/2013	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 31/12/2012
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	V.21	2.658.379.081	1.048.741.396	6.056.025.262	4.566.656.577
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.866.474.618	8.787.333.938	30.189.565.632	32.224.492.679
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			(1.255.574.831)	1.175.673.865	-	7.133.434.777
Lợi nhuận sau thuế của công ty CP SĐ II			18.122.049.449	7.611.660.073	30.189.565.632	25.091.057.902
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.749	952	3.517	3.140

LẬP BIỂU



Phạm Thị Dung

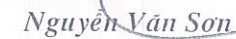
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Văn Ngự

Hà nội, ngày 14 tháng 02 năm 2014





LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Lũy kế năm 2013

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	LŨY KẾ ĐẾN 31/12/2013	LŨY KẾ ĐẾN 31/12/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	786.212.565.115	846.808.695.978
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	-286.273.887.375	-364.260.373.195
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	-36.209.450.231	-69.290.674.162
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-18.168.650.121	-23.259.173.194
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-6.713.829.089	-3.662.939.582
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	629.035.791.179	547.971.109.015
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	-801.514.116.065	-659.112.588.310
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	266.368.423.413	275.194.056.550
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCD và tài sản dài hạn khác	21	0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và tài sản dài hạn	22	22.560.000	30.651.580
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.164.734.204	588.465.518
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.187.294.204	619.117.098
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	0	48.208.449.295
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-244.289.371.902	-311.368.859.156
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-244.289.371.902	-263.160.409.861
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	23.266.345.715	12.652.763.787
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	52.761.033.956	40.108.270.169
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	55.594.346	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	76.082.974.017	52.761.033.956

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (Công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, Xây dựng
- Hoạt động kinh doanh chính** :
 - Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;
 - Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
 - Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp, đường dây tải điện trạm biến áp đến cấp điện áp 500KV, kết cấu công trình, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị;
 - Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
 - Xây lắp, thi nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
 - Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

- Tổng số các công ty con** : 02
Trong đó:
 - Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02
 - Số lượng các công ty con không được hợp nhất: -

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH 1 thành viên Sông Đà 11 – Thăng Long (*)	BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường (**)	Bản Tin Tộc, Xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	93.57%	70%

- (*) Khoán đầu tư vào Công ty TNHH 1 thành viên Sông Đà 11 Thăng Long với tỷ lệ cổ phần sở hữu là 100% Công ty TNHH 1 thành viên Sông Đà 11 có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty TNHH 1 thành viên Sông Đà 11 Thăng Long.

6. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

Ngày 24 tháng 6 năm 2013 Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đã thông qua Nghị quyết số 01/2013/NQ-DHBCD về phương án:

- Thực hiện thoái toàn bộ 100% vốn góp của Công ty tại Công ty CP Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà, Công ty CP Kỹ thuật điện Sông Đà, Công ty Tài chính CP Sông Đà, Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7, Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch II, Công ty CP Sông Đà – Hà Nội.
- Thực hiện sáp nhập 02 Công ty là Công ty CP Đầu tư & Xây lắp Sông Đà 11 và Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu.

Cuối kỳ kế toán công ty đã hoàn thành việc nhận sáp nhập 02 Công ty trên.

Hoàn thành việc thoái toàn bộ 100% vốn góp của Công ty tại Công ty CP xây lắp và dịch vụ Sông Đà, Công ty CP kỹ thuật điện Sông Đà.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức nhất ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chỉ phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn từ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ được xác định cho từng công trình như sau:

- Đối với công trình đầu thầu. Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Giá vốn hàng bán} \\ \text{kinh doanh dở dang} & = & \text{kinh doanh dở} & + & \text{kinh doanh phát} & - & \text{trong kỳ} \\ \text{cuối kỳ} & & \text{đang đầu kỳ} & & \text{sinh trong kỳ} & & \end{array}$$

Trong đó:

$$\text{Giá vốn hàng bán trong kỳ} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong kỳ}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

- Đối với các công trình khác:

Chi phí sản xuất	Giá trị sản	Thu nhập	Các khoản	Chi phí	Lãi vay
kinh doanh dở	=	lượng dở đang	-	chịu thuế	-
đang cuối kỳ		cuối kỳ		phụ phí	-
				quản lý	-
				ước tính	(nếu có)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tồn thất để lập dự phòng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Riêng máy móc thiết bị của nhà máy Thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản lượng.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

Giá trị lợi thế kinh doanh của Tập đoàn và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí phát sinh.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí bóc phù khai thác mỏ đá

Chi phí bóc phù khai thác bao gồm các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc bóc hết lớp đất phủ trên mỏ đá của Chi nhánh 11.7 trước khi Công ty chính thức hoạt động khai thác đá xây dựng. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động khai thác đá.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phải hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu thẳng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các Công ty trong Tập đoàn.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà · Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, 11à Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động xây lắp

Doanh thu của Tập đoàn chủ yếu từ hoạt động xây lắp, được ghi nhận trên cơ sở khối lượng xây lắp hoàn thành đã có Biên bản nghiệm thu và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm tài chính thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán có định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, công hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai tương suất vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trừ về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chi được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – 11 là Đồng, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quan, 11 là Đồng, 11 là Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
Tiền mặt	1.091.246.581	1.131.018.445
Tiền gửi ngân hàng	74.991.727.436	51.630.015.511
Cộng	<u>76.082.974.017</u>	<u>52.761.033.956</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
Đầu tư ngắn hạn khác	19.452.000.000	19.452.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	1.000.000	1.000.000
Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7 ^(b)	595.200	595.200
Công ty CP Sông Đà Hà Nội	200.000	200.000
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn-Trạch 2 ^(b)	150.000	150.000
Cộng	<u>19.452.000.000</u>	<u>19.452.000.000</u>

(b) Tổng vốn góp vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7 theo đăng ký là 8.000.000.000 VND, chiếm 10% vốn điều lệ, trong đó: từ nguồn vốn của Công ty là 4.000.000.000 VND, các cá nhân góp vốn ủy thác qua Công ty là 4.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã nắm giữ 595.200 cổ phiếu.

(b) Mua cổ phần ủy thác qua Tổng Công ty Sông Đà.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là khoản dự phòng đầu tư ngắn hạn khác.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	(780.000.000)	-
Trích lập dự phòng bổ sung	210.000.000	(780.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	(570.000.000)	(780.000.000)
Số cuối kỳ	<u>(570.000.000)</u>	<u>(780.000.000)</u>

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về khối lượng xây lắp	346.661.680.892	313.946.836.975
Phải thu về cung cấp điện, nước	17.535.327.893	11.002.653.912
Phải thu tiền bán thành phẩm	6.907.525.459	6.065.425.737

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu tiền khác	1.405.882.652	5.902.989.380
Cộng	375.510.416.896	336.917.906.004

5. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước về khối lượng xây lắp	15.556.360.157	34.454.470.811
Trả trước cho nhà cung cấp vật tư, thiết bị	9.234.927.970	4.680.383.876
Trả trước cho nhà cung cấp điện	220.143.642	2.000.000
Trả trước cho nhà cung cấp dịch vụ	30.978.500	1.604.109.271
Cộng	25.042.410.269	40.741.263.958

6. Các khoản phải thu khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của CBCNV	1.643.266.846	2.405.224.054
Phải thu các đối công trình	19.913.448	3.109.237.829
Tiền cổ tức phải thu	695.750.000	993.600.000
BDH DA thủy điện Hòa Na	402.731.982	1.117.515.001
Tiền đến bù đã trả hộ chủ đầu tư chưa quyết toán	676.786.299	3.507.425.028
Tiền đến bù do mất vật tư	410.157.007	743.819.015
Phải thu Sở tài chính tiền thuê đất được giảm	158.503.664	158.503.664
Tiền tạm ứng phải thu các CBCNV đã nghỉ việc	-	208.094.908
Phải thu tiền điện sản xuất	-	142.993.120
Tài sản thiếu chờ xử lý	3.710.399863	-
Phải thu tiền nhượng bán vật tư	2.288.767.818	3.569.385.471
Cộng	10.006.276.925	15.955.798.090

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(722.555.657)	(722.555.657)
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên</i>	(722.555.657)	(722.555.657)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(8.852.548.134)	(74.938.775)
Cộng	(9.028.982.728)	(797.494.432)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	(797.494.432)	(589.669.303)
Trích lập dự phòng bổ sung	(8.231.488.296)	(270.619.917)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

	Kỳ này	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng		62.794.788
Số cuối kỳ	(9.028.982.728)	(797.494.432)

8. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang di chuyển	3.823.760.085	1.530.422.738
Nguyên liệu, vật liệu	19.666.189.563	21.041.391.237
Công cụ, dụng cụ	1.425.214.339	924.192.435
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	175.151.591.225	150.592.767.208
Thành phẩm	518.154.174	1.036.308.348
Cộng	200.584.909.386	175.125.081.966

9. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng		85.319.583
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ		11.922.728
Chi phí sửa chữa	90.363.727	78.932.500
Chi phí khác		
Cộng	90.363.727	176.174.811

10. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	24.605.417.213	26.267.416.643
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	10.250.000	1.857.866.393
Tài sản thiếu chờ xử lý	50.000.000	50.000.000
Cộng	24.665.667.213	28.175.283.036

11. Phải thu dài hạn của khách hàng
Là khoản phải thu dài hạn về khối lượng xây lắp thực hiện.

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	83.968.013.378	72.666.067.992	33.596.240.736	2.132.544.332	24.976.190	192.387.842.628
Tăng trong kỳ	880.296.001	7.838.412.491	1.940.096.694	188.380.000		10.847.185.186
Giảm trong kỳ	(1.380.643.454)	(2.690.308.640)	(3.194.645.189)	(1.676.040.412)		(8.941.637.695)
Thanh lý, nhượng bán	(500.347.453)	(1.007.667.129)		(214.717.379)		(1.423.346.730)
Giảm theo thông tư 45/2013/TT-BTC		(1.309.917.859)		(1.461.323.033)		(2.671.210.892)
Giảm khác	(880.296.001)	(472.723.652)	(3.194.645.189)			(4.547.664.842)
Số cuối kỳ	77.814.171.843	32.341.692.241	644.883.920			194.293.390.119

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

		Phương tiện		Thiết bị, dụng	Tài sản có	
Nhà cửa, vật	Máy móc và	vận tải,	truyền dẫn	cụ quản lý	định khác	Cộng
kiến trúc	thiết bị					
83.467.665.925					24.976.190	

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.501.771.148	4.505.225.261	394.410.761	24.976.190	6.426.383.360
---	---	---------------	---------------	-------------	------------	---------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	17.437.736.593	26.550.628.004	20.806.537.069	1.552.471.331	24.976.190	66.372.349.187
Tăng trong kỳ	3.648.148.100	6.714.365.519	3.381.608.354	625.921.840	-	14.370.043.813
Giảm trong kỳ	(500.347.453)	(1.536.033.260)	(2.793.740.698)	(1.165.731.068)	-	(5.995.852.479)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>(500.347.453)</i>	<i>(603.827.783)</i>	-	<i>(20.780.000)</i>	-	<i>(1.126.955.236)</i>
<i>Giảm theo thông tư 45/2013/TT- BTC</i>		(930.205.477)	(2.793.740.698)	(1.144.951.068)	-	(4.868.897.243)
Số cuối kỳ	20.348.234.966	31.375.360.748	21.394.404.725	952.400.103	24.976.190	74.746.540.521

Giá trị còn lại

Số đầu năm	66.530.276.785	46.115.439.988	12.789.703.667	580.073.001	-	126.015.493.441
Số cuối kỳ	63.119.430.959	46.438.811.095	10.947.287.516	433.112.901	-	119.546.849.598

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất	Giá trị lợi thế kinh doanh	Giá trị thương hiệu	Cộng
----------------------	-------------------------------	------------------------	------

Nguyên giá				
Số đầu năm	5.097.820.000	729.470.426	1.000.000.000	6.827.290.426
Tăng trong kỳ	486.620.000	-	-	486.620.000
Giảm trong kỳ	(486.620.000)	-	-	(486.620.000)
Số cuối kỳ	5.097.820.000	729.470.426	1.000.000.000	6.827.290.426

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	-	571.418.422	783.333.343	1.354.751.765
Tăng trong kỳ	-	72.947.042	99.999.994	172.947.036
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	644.365.480	883.333.321	1.527.698.801

Giá trị còn lại

Số đầu năm	5.097.820.000	158.052.004	216.666.657	5.472.538.661
Số cuối kỳ	5.097.820.000	85.104.946	116.666.679	5.299.591.625

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -- Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	149.657.135	2.551.521.817	2.701.178.952	0
XDCB dở dang	20.197.076.787	2.163.904.021	121.768.549	22.239.212.259
Dự án Khu dân cư Hòa Bình	1.590.168.295	121.958.019	121.768.549	1.590.357.765
Dự án Khu đô thị Nhom Trách Đồng Nai	5.991.951.013			5.991.951.013
Công trình nhà văn phòng CN Sông Đà 11.2 Thăng Long	177.083.641			177.083.641
Dự án nhà máy Thủy điện To Bường	12.437.873.838	2.041.946.002		14.479.819.840
Sửa chữa lớn TSCĐ	156.867.209	220.000.229	100.590.000	276.277.438
Cộng	20.503.601.131	4.935.426.067	2.923.537.501	22.515.489.697

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Số cuối kỳ	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà ⁽ⁱ⁾	Xây lắp và Dịch vụ	0.00%		36.12%	9.367.699.497		
Công ty Cổ phần Xây lắp và lắp và Dịch vụ Sông Đà ⁽ⁱⁱ⁾	Xây lắp và Dịch vụ	0.00%		36.00%	10.560.015.908		

Cộng

19.927.715.405

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102174012 ngày 12 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà 5.000.000.000 VND, tương đương 33.12% vốn điều lệ. Năm 2011, Công ty đã mua thêm 52.500 cổ phiếu với giá mua là 639.956.640 VND và được nhận 80.000 cổ phiếu do Công ty CP kỹ thuật điện Sông Đà đề trả cổ tức. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty đã hoàn thành thoái vốn 100% tại Công ty CP kỹ thuật điện Sông Đà.

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103042561 ngày 20 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Năm 2011, Công ty được nhận 108.000 cổ phiếu do Công ty cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà trả cổ tức bằng cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty đã hoàn thành thoái vốn 100% tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà.

16. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long vào Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -- Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí CCDC	222.943.002	2.084.798.776	1.161.839.811	1.145.901.964
Chi phí bóc phủ khai thác dự án đá	983.727.271		327.909.092	655.818.179
Thuong hiệu Sông Đà	493.750.000		150.000.000	343.750.000
Lợi thuê thương mại	762.500.000		75.000.000	687.500.000
Chi phí sửa chữa	58.181.818	490.771.000	128.292.389	420.663.429
Cộng	2.521.102.091	2.575.572.776	1.843.041.295	3.253.633.572

18. Tài sản dài hạn khác

Là khoản kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn.

19. Lợi thế thương mại

	Kỳ này	Năm trước
Nguyên giá		
Số đầu năm	3.700.000.000	3.700.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm-trong-kỳ		
Số cuối kỳ	3.700.000.000	3.700.000.000

Số đầu phân bổ	2.405.000.000	1.665.000.000
Số đầu năm	1.062.500.000	740.000.000
Phân bổ trong kỳ	45.000.000	
Tăng khác		
Số cuối kỳ	3.512.500.000	2.405.000.000

20. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	1.295.000.000	2.035.000.000
Số cuối kỳ	187.500.000	1.295.000.000

Vay ngắn hạn ngân hàng	150.913.262.867	135.166.862.293
Ngân hàng Dầu tư và Phát triển Hà Tây	31.598.510.002	33.517.766.523
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
Láng Hạ	38.239.529.310	28.667.052.230
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Quảng Trung	78.113.948.865	63.115.398.295
Ngân hàng Dân tư và Phát triển Đông Đô	2.961.274.690	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội CN Đông		6.542.049.666

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - 11à Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, 11à Đông, 11à Nội
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nai		
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển C'N Nam Đồng</i>		
<i>Nai</i>	3.324.595.579	
Vay dài hạn đến hạn trả	11.448.505.744	12.002.592.543
<i>CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên</i>	8.830.000.000	8.830.000.000
<i>CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Đô</i>	1.636.000.000	1.636.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương VN - C'N Quang Trung</i>	982.505.744	1.345.894.061
<i>Ngân hàng Thương mại C'ò phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội</i>		126.491.808
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội C'N Đông Nai</i>	64.206.674	
Cộng	162.361.768.611	147.169.454.836

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	135.166.862.293	269.407.101.165	253.660.700.591	150.913.262.867
Vay dài hạn đến hạn trả	12.002.592.543	11.448.505.744	12.002.592.543	11.448.505.744
Cộng	147.169.454.836	280.855.606.909	265.663.293.134	162.361.768.611

21.	Phải trả cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Phải trả nhà cung cấp vật tư, TB, CDC	60.481.367.791	78.848.086.229
	Phải trả nhà cung cấp điện	1.631.177	2.794.342.719
	Phải trả nhà thầu xây lắp	86.641.614.154	86.981.498.754
	Phải trả nhà cung cấp khác	40.921.234.372	4.984.961.821
Cộng		188.045.847.494	173.608.889.523

22.	Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Các khoản ứng trước liên quan đến các hợp đồng xây dựng	63.144.788.217	70.047.361.273
	Các khoản ứng trước khác	9.498.400	321.034.451
Cộng		63.154.286.617	70.368.395.724

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	25.565.084.265	71.245.534.097	65.466.309.397	31.341.308.965
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.681.893.590	6.274.497.338	6.720.698.495	7.235.692.433
Thuế thu nhập cá nhân	989.393.679	1.944.759.216	677.941.506	2.256.211.389
Thuế tài nguyên	809.543.955	866.394.391	1.099.197.656	576.740.690
Tiền thuế đất	69.273.818	138.655.692	145.633.549	62.295.961
Phí bảo vệ môi trường	40.619.168	1.540.848.488	354.198.115	1.227.269.541
Các loại thuế khác	108.654.445	13.500.000	13.500.000	108.654.445
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	121.827.279	86.653.263	86.653.263	121.827.279
Cộng	35.386.290.199	82.110.842.485	74.564.131.981	42.933.000.703

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm	10%
Hoạt động khác	5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty đang áp dụng mức thuế suất ưu đãi và thời gian miễn giảm thuế theo điểm 3, điều 38 nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế thu nhập doanh nghiệp” của Chính Phủ. Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục A phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và thực hiện tại địa bàn quy định tại danh mục B phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Công ty được miễn thuế TNDN 03 năm kể từ năm 2012 và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp 05 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.245.590.894	36.791.149.256
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(2.850.397.093)	(1.405.569.347)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- <i>Lợi nhuận chịu thuế nội bộ chưa thực hiện</i>		(34.892.468)
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng khác</i>	4.763.736.793	2.031.940.871
Chi phí không hợp lệ		261.356.523
Tiền phạt vi phạm thuế, vi phạm hành chính	3.560.256.793	776.424.348
Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	96.000.000	254.160.000
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	1.062.500.000	740.000.000
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm khác</i>	(7.614.153.886)	(3.402.617.750)
Chi phí đã tính thuế năm trước	(12.653.979)	
Doanh thu bán cổ tức không chịu thuế	(1.958.000.000)	
Lãi trong Công ty liên kết		(1.9450.561.110)
Nhận cổ tức tại các công ty con, liên kết	(5.643.499.907)	(993.600.000)
Hủy trích lập dự phòng Cty liên kết		(463.456.640)
Thu nhập chịu thuế	33.350.193.801	35.385.579.909
Thu nhập được miễn thuế	(11.034.616510)	(9.590.722.793)
Lỗ sắp nhập từ công ty con	(7.660.114.470)	
Thu nhập tính thuế	14.655.462.821	25.494.857.116
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	3.663.865.705	6.373.714.279
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>		(1.807.057.702)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</i>	3.663.865.705	4.566.656.577
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	2.392.159.557	
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.056.025.262	4.566.656.577

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác tương kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 2%/giá tính thuế.

Tiền thuế đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)**24. Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí các công trình	39.061.190.031	37.347.823.624
Tiền vật tư chưa có hóa đơn	533.975.736	841.167.019
Phải trả tiền thuê văn phòng, thuê xe, thuê đất, thuê máy	85.451.545	593.578.814
Chi phí lãi vay phải trả	361.920.769	388.148.070
Phí bảo lãnh tiền ứng	-	340.786.614
Chi phí phải trả khác	364.543.361	349.851.032
Cộng	40.407.084.445	39.861.355.173

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	2.268.265.773	3.697.312.308
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	6.711.948.292	5.138.117.499
Phải trả các đối tiền khoản công trình	41.695.918.206	26.127.129.301
Nhân ủy thác đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần thủy điện Cao Nguyễn - Sông Đà của CBCNV	2.022.500.000	2.022.500.000

Các quỹ xã hội nhân đạo	740.297.598	409.976.807
Cổ tức phải trả các cổ đông	1.175.921.173	52.076.173
Tiền vật tư	-	589.295.053
Tiền đặt cọc chế tạo vỏ máy	-	-
Thuế thu nhập cá nhân phải trả nước Lào	1.778.377.822	2.273.952.076
Các khoản phải trả phải nộp khác	10.573.978.067	5.567.435.516
Cộng	66.967.206.931	45.877.794.733

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là chi phí bảo hành công trình xây lắp.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	493.762.211	722.303.105	444.564.786	771.500.530
Quỹ phúc lợi	869.978.744	1.018.613.781	702.480.214	1.186.112.311
Cộng	1.363.740.955	1.740.916.886	1.147.045.000	1.957.612.841

28. Phải trả dài hạn người bán

Là khoản phải trả dài hạn về khối lượng xây lắp hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà 11A Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

29. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.058.000.000	1.500.000.000
Tiền ứng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	2.058.000.000	2.500.000.000

30. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Điện Biên	13.256.546.906	22.086.546.906
Hợp đồng tín dụng 02/2004/HĐ-TDDH ⁽¹⁾	11.412.123.867	19.512.123.867
Hợp đồng tín dụng 03/2007/HĐ ⁽³⁾	1.844.423.039	2.574.423.039
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	6.713.462.697	8.349.462.697
Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD ⁽³⁾	153.600.000	469.600.000
Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTD ⁽⁴⁾	6.559.862.697	7.879.862.697
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	84.327.848	210.819.656
Hợp đồng tín dụng số 207-01.07.10/HĐTD ⁽³⁾	84.327.848	210.819.656
Ngân hàng TMCP VN - CN Thành Công	3.424.055.746	
Hợp đồng tín dụng số 01/2013/TH-SDTL ⁽⁶⁾	3.424.055.746	
Cộng	23.478.393.197	30.646.829.259

(1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/9/2004, thời hạn vay là 138 tháng, vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của DA Thủy điện Thác Trắng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2007/HĐ ngày 28/02/2007, thời hạn vay 114 tháng, vay để trả lãi vay trong thời gian thi công dự án Nhà máy thủy điện Thác Trắng.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD ngày 31 tháng 05 năm 2012, thời hạn vay không quá 30/06/2015, vay để mua xe ô tô phục vụ quản lý điều hành.

(4) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTD ngày 31 tháng 05 năm 2012, thời hạn vay không quá 29/10/2019, vay để thực hiện đầu tư mua sản tăng 7 – tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.

(5) Hợp đồng tín dụng số 07-01.07.10/HĐTD ngày 03 tháng 8 năm 2010 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”.

(6) Hợp đồng tín dụng số 01/2013/TH SDTL, để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2013”.

Ký hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	11.448.505.714	12.002.592.543
Trên 1 năm đến 5 năm	20.903.970.158	28.072.406.220
Trên 5 năm	2.574.423.039	2.574.423.039
Tổng nợ	34.926.898.941	42.649.421.802

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ dài hạn ngân hàng như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	30.646.829.259	43.363.538.545
Tăng trong năm	4.280.069.682	11.212.462.697
Số tiền vay đã trả	-	(1.643.976.000)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(11.448.505.744)	(11.072.733.286)
Giảm khác ^(*)	-	(11.212.462.697)
Số cuối kỳ	23.478.393.197	30.646.829.259

31. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện của hoạt động xây dựng, lắp đặt	1.201.114.380	812.986.467
Phí ủy thác góp vốn đầu tư	202.250.000	202.250.000
Cộng	1.403.364.380	1.015.236.467

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (tiếp theo)

32. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	79.968.970.000	32.546.580.408	(128.058.585)	38.437.015.825	3.831.578.038	26.813.681.264	181.469.766.950
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	25.091.057.902	25.091.057.902
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	3.562.268.994	863.381.361	(17.460.997.595)	(13.035.347.240)
Trích quỹ ĐTPT, DPTC	-	-	-	3.562.268.994	863.381.361	(4.425.650.355)	-
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	(1.040.001.740)	(1.040.001.740)
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(11.995.345.500)	(11.995.345.500)
Điều chỉnh lợi ích trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	(1.275.055.401)	(1.275.055.401)
Số dư cuối năm trước	79.968.970.000	32.546.580.408	(128.058.585)	41.999.284.819	4.694.959.399	33.168.686.170	192.250.422.211
Số dư đầu năm nay	79.968.970.000	32.546.580.408	(128.058.585)	41.999.284.819	4.694.959.399	33.168.686.170	192.250.422.211
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	30.189.565.632	30.189.565.632
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	6.347.352.556	1.018.613.781	(8.669.780.716)	(13.291.509.879)
Trích quỹ ĐTPT, DPTC	-	-	-	6.347.352.556	1.018.613.781	(7.365.966.337)	-
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	(1.303.814.379)	(1.303.814.379)
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(11.987.695.500)	(11.987.695.500)
Nhận sáp nhập Công ty Tăng (giảm) khác	35.562.080.000	9.459.346.520	-	11.576.694.200	2.085.470.351	(7.660.114.470)	51.023.476.601
Số dư cuối kỳ này	115.531.050.000	42.005.926.928	(128.058.585)	59.923.331.575	7.799.043.531	22.529.451.162	247.660.744.611

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	29.680.000.000
Vốn góp của các cổ đông	84.501.050.000	50.288.970.000
Thặng dư vốn cổ phần	42.005.926.928	32.546.580.408
Cổ phiếu quỹ	(128.058.585)	(128.058.585)
Cộng	157.408.918.343	112.387.491.823

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Trả cổ tức năm trước	11.586.957.975	5.275.660.000
Cộng	11.586.957.975	5.275.660.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	11.553.105	7.996.897
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		7.996.897
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	7.996.897
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.100	5.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.100	5.100
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		7.991.797
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.548.005	7.991.797
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

33. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	56.393.251.497	52.648.597.374
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		7.258.645.909
Tăng do thay đổi tỷ lệ lợi ích		-
Giảm sập nhập	(55.193.251.497)	(3.200.000.000)
Tăng do thay đổi tỷ lệ lợi ích		
Giảm do chia quỹ khen thưởng, phúc lợi		(313.991.786)
Số cuối kỳ	1.200.000.000	56.393.251.497

34. Nợ khó đòi đã xử lý

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	8.092.639.768	8.092.639.768
Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
Nợ khó đòi đã được thu hồi được	-	-
Số cuối kỳ	8.092.639.768	8.092.639.768

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HIỌP NIỆM GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay
	Năm trước
Tổng doanh thu	830.070.554.999
<i>Doanh thu điện thương phẩm</i>	23.317.142.925
<i>Doanh thu hoạt động xây dựng</i>	693.582.234.593
<i>Doanh thu hoạt động khác</i>	113.171.177.481
Doanh thu thuần	830.070.554.999

2. Giá vốn hàng bán

	Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay
	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	7.801.971.786
Giá vốn của hoạt động xây dựng	617.397.756.538
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	87.697.033.340
Cộng	712.896.761.664

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay
	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	332.662.832
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	-
Lãi thu của các đội	-
Phí bảo lãnh	1.107.152.877
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.127.658.178
Cổ tức và lợi nhuận được chia	5.140.850.000
Cộng	9.708.323.887

4. Chi phí tài chính

	Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay
	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.337.078.241
Phí bảo lãnh	2.124.655.146
Phí ủy thác đầu tư	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	2.826.543.360
Phí cam kết tín dụng	-
Chi phí tài chính khác	838.806.485
Cộng	25.127.083.232

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HIỆP NIỆM GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lưu ý kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	33.401.197.208	35.643.876.412
Chi phí vật liệu quản lý	3.789.808.941	4.174.336.057
Chi phí đồ dùng văn phòng	793.537.850	1.428.322.788
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.029.318.656	2.984.406.277
Thuế, phí và lệ phí	592.451.263	542.004.225
Chi phí dự phòng	8.231.488.296	207.825.129
Phân bổ lợi thế thương mại	1.062.500.000	740.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.087.284.114	5.597.371.349
Chi phí bằng tiền khác	7.948.773.612	7.409.721.321
Cộng	63.936.359.940	58.727.863.558

6. Thu nhập khác

	Lưu ý kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.302.079.749	1.037.636.364
Phí bảo lãnh công trình		161.817.140
Xử lý công nợ không phải trả		20.304.090
Thu nhập khác	697.716.859	3.252.573.642
Cộng	1.999.796.608	4.472.331.236

7. Chi phí khác

	Lưu ý kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	222.493.734	1.014.259.868
Phí bảo lãnh		180.783.566
Phạt chậm tiến độ thi công công trình		257.077.520
Phạt hành chính, phạt chậm nộp thuế, BHXH	3.289.868.574	776.242.348
Thuế GTGT không được khấu trừ	49.712.838	78.994.366
Chi phí khác	10.804.618	288.384.918
Cộng	3.572.879.764	2.595.924.586

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lưu ý kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.189.565.632	25.091.057.902
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.189.565.632	25.091.057.902
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	8.584.498	7.991.797

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HIỆP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	1. quý kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
trong kỳ		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.517	3.140
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:		
	1. quý kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.991.797	7.991.797
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	3.561.308	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.584.498	7.991.797

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan
Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các bên liên quan khác	
Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:	
Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Cổ đông chính
Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:	
1. quý kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay
Tổng Công ty Sông Đà	110.182.909
Giao dịch bán hàng	15.637.980.697
Phải thu tiền bán điện	
Thuế GTGT	
Giao dịch khác	15.637.980.697
Nhận ứng trước tiền thi công công trình xây lắp	15.637.980.697
Phải trả tiền dịch vụ	
Thu tiền thanh toán khối lượng xây lắp	110.182.909
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	
Giao dịch mua hàng	
Giá trị xây lắp hoàn thành	6.229.834.964
Thuế GTGT	622.983.497

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TIẾP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lưu ý từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

Phải trả tiền thí nghiệm hiệu chỉnh

Thuế GTGT

Giao dịch bán hàng

Cung cấp vật tư

Thuế GTGT

Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng

337.481.320

33.748.132

7.238.652

Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà

Giao dịch mua hàng

Giá trị xây lắp hoàn thành

Thuế GTGT

Giao dịch bán hàng

Doanh thu bán điện trong kỳ

Thuế GTGT

Cung cấp vật tư

Thuế GTGT

Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Giao dịch khác

Trả tiền khối lượng xây lắp hoàn thành

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

Số cuối kỳ

Số đầu năm

Tổng Công ty Sông Đà

364.235.777

364.235.777

Phải thu về công trình xây dựng

364.235.777

364.235.777

Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà

13.085.301.799

Ứng trước về giá trị công trình xây dựng

13.085.301.799

Phải trả tiền cổ tức

Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà

Ứng trước tiền hàng

Phải thu tiền cung cấp dịch vụ

Công nợ phải thu

364.235.777

13.449.537.576

Tổng Công ty Sông Đà

15.639.884.550

Phải trả về phụ phí công trình Năm Chiến

1.903.853

1.903.853

Nhận ứng trước tiền thi công công trình xây lắp

15.637.980.697

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - 11à Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BAO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về cung cấp dịch vụ	110.182.909	
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà</i>		28.056.673.560
Phải trả về giá trị công trình xây dựng		28.056.673.560
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Sông Đà</i>		3.634.549.736
Phải trả về giá trị công trình xây dựng		3.634.549.736
Cộng nợ phải trả	112.086.762	47.331.107.846

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực ngoài xây lắp: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Các khoản loại trừ	Cộng
Lũy kế từ đầu năm kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	693.582.234.593	136.488.320.406	-	830.070.554.999
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	10.289.185.858	-	(10.289.185.858)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	703.871.420.451	136.488.320.406	(10.289.185.858)	830.070.554.999
Chi phí bộ phận	(627.476.964.894)	(95.708.982.628)	10.289.185.858	(712.896.761.664)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	76.394.455.557	40.779.337.778	-	117.173.793.335
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(63.936.359.940)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				53.237.433.395
Doanh thu hoạt động tài chính				9.708.323.887
Chi phí tài chính				(25.127.083.232)
Thu nhập khác				1.999.796.608
Chi phí khác				(3.572.879.764)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Các khoản loại trừ	Cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(6.056.025.262)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				30.189.565.632
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22.145.666.051	-	-	22.145.666.051
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	16.386.032.144	-	-	16.386.032.144
	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Các khoản loại trừ	Cộng
Lũy kế từ đầu năm kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	742.284.418.905	132.213.269.231		874.497.688.136
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	87.950.568.182	670.724.924	(88.621.293.106)	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	830.234.987.087	132.883.994.155	(88.621.293.106)	874.497.688.136
Chi phí bộ phận	(749.232.668.848)	(93.142.221.016)	88.621.293.106	(753.753.596.758)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	81.002.318.239	39.741.773.139		120.744.091.378
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(58.727.863.558)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				62.016.227.820

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu hoạt động tài chính				3.654.624.003
Chi phí tài chính				(32.701.670.327)
Thu nhập khác				4.472.331.236
Chi phí khác				(2.595.924.586)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				1.945.561.110
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.566.656.577)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				32.224.492.679

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	373.679.409.086	36.879.695.004		410.559.104.090
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				480.809.840.914
Tổng tài sản				891.368.945.004
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	250.904.432.251	128.030.914.879		378.935.347.130
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				263.572.853.263
Tổng nợ phải trả				642.508.200.393

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	364.968.912.806	28.646.055.246	-	393.614.968.052
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				464.766.453.524
Tổng tài sản				858.381.421.576
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	238.913.490.107	109.212.622.201	-	348.126.112.308
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				261.611.635.560
Tổng nợ phải trả				609.737.747.868

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thay đổi ước tính kế toán

Trong kỳ Công ty giảm thời gian khấu hao loại máy móc thiết bị bằng tài rã bẻ tổng từ 8 năm xuống 6 năm và tăng/giảm thời gian khấu hao phương tiện vận tải là các loại xe ô tô tổng từ 6 năm lên 8 năm và từ 10 năm xuống 8 năm vì thực tế sử dụng những năm qua cho thấy thời gian khấu hao các năm trước chưa hợp lý. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao kỳ này giảm 49.835.998 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cả nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là trung bình.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Số cuối kỳ	Chưa quá hạn		Chưa quá hạn		Đã quá hạn		Cộng
	hay chưa	hạn nhưng	bị giảm giá	bị giảm giá	nhưng không	Đã quá hạn và	
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.082.974.017	-	-	-	-	-	76.082.974.017
Phải thu khách hàng	376.843.370.478	-	-	-	9.028.982.728	385.872.353.206	
Các khoản phải thu khác	10.077.026.925	-	-	-	-	-	10.077.026.925
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	22.952.000.000	1.500.000.000	-	-	-	-	24.452.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – 11à Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
--	---	--------------------------------------	---------------------------------------	------------------------------	------

Cộng	485.955.371.420	1.500.000.000	-	9.028.982.728	496.484.354.148
------	-----------------	---------------	---	---------------	-----------------

Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.761.033.956				52.761.033.956
Phải thu khách hàng	344.953.838.734		797.494.432	345.751.333.166	
Các khoản phải thu khác	17.879.664.483			17.879.664.483	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	22.952.000.000	1.500.000.000			24.452.000.000
Cộng	438.546.537.173	1.500.000.000	797.494.432	440.844.031.605	

Chi tiết thời gian quá hạn của phải thu khách hàng đã quá hạn và bị giảm giá như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quá hạn dưới 6 tháng	-	-
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	-	-
Quá hạn trên 2 năm đến 3 năm	176.434.294	-
Quá hạn trên 3 năm	8.852.548.343	797.494.432
Cộng	9.028.982.728	797.494.432

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	162.361.768.611	20.903.970.158	2.574.423.039	185.840.161.808
Phải trả người bán	188.045.847.494	20.360.921.643	-	208.406.769.137
Các khoản phải trả khác	98.394.077.311	2.058.000.000	-	100.452.077.311

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cộng	Từ 1 năm trở		Trên 1 năm		Cộng
	xuống	đến 5 năm	Trên 5 năm		
	448.801.693.416	43.322.891.801	2.574.423.039		494.699.008.256

Số đầu năm					
Vay và nợ	147.169.454.836	28.072.406.220	2.574.423.039		177.816.284.095
Phải trả người bán	173.608.889.523	15.754.212.109	-		189.363.101.632
Các khoản phải trả khác	79.559.185.145	2.500.000.000	-		82.059.185.145
Cộng	400.337.529.504	46.326.618.329	2.574.423.039		449.238.570.872
Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.					

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn chủ yếu là rủi ro ngoại tệ và rủi ro lãi suất.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ (USD)	Số đầu năm (USD)
Tiền và các khoản tương đương tiền	108,85	-
Các khoản phải trả khác	(94.310,5)	-
Tài sản thuần có gốc ngoại tệ	(94.201,65)	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do tỷ giá hối đoái tại thời điểm lập báo cáo tài chính biến động không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Vay và nợ	(185.840.161.808)	(177.816.284.095)
Nợ phải trả thuần	(185.840.161.808)	(177.816.284.095)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.082.974.017	-	52.761.033.956	-	76.082.974.017	52.761.033.956
Phải thu khách hàng	385.872.353.206	(9.028.982.728)	345.751.333.166	(797.494.432)	376.843.370.478	344.953.838.734
Các khoản phải thu khác	10.077.026.925	-	17.879.664.483	-	10.077.026.925	17.879.664.483
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.452.000.000	(570.000.000)	24.452.000.000	(780.000.000)	23.882.000.000	23.672.000.000
Cộng	496.484.354.148	(9.598.982.728)	440.844.031.605	(1.577.494.432)	486.885.371.420	439.266.537.173

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Vay và nợ	185.840.161.808	177.816.284.095	185.840.161.808	177.816.284.095	
Phải trả người bán	208.406.769.137	189.363.101.632	208.406.769.137	189.363.101.632	
Các khoản phải trả khác	100.452.077.311	82.059.185.145	100.452.077.311	82.059.185.145	
Cộng	494.699.008.256	449.238.570.872	494.699.008.256	449.238.570.872	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của phải thu khách hàng dài hạn, được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Thông tin so sánh

Số dư đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Hà Nội, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Lập, ngày 14 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự



Nguyễn Văn Sơn